

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 344/GPMT-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ (trước sáp nhập) cấp phép cho Hệ thống xử lý nước thải lỏng cho bệnh viện đa khoa khu vực nghĩa Lộ của Sở Y tế.

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-SNNMT ngày 29/4/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường dự án đầu tư, nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ (nay là bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai) theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Sở Y tế tại Công văn số 1752/SYT-KHTC ngày 23/4/2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa lộ (nay là bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai) theo phương thức đối tác công tư (PPP); Công văn số 2097/SYT-KHTC ngày 14/5/2026 về việc giải trình hoàn thiện và đề nghị đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 393/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Sở Y tế tỉnh Lào Cai, địa chỉ tại đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ (*nay là Bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai*) theo phương thức đối tác công tư (PPP) với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư, nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ (*nay là Bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai*) theo phương thức đối tác công tư (PPP).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai.

1.3. Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 15/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc Sở Y tế tỉnh Lào Cai.

1.4. Mã số thuế: 5200954161.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Diện tích đất: 24.163,9 m<sup>2</sup>

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô: 500 giường bệnh.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Y tế tỉnh Lào Cai (là cơ quan được cấp Giấy phép môi trường) có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình triển khai nếu dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này ký ban hành

Giấy phép môi trường số 344/GPMT-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ (*trước sáp nhập*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ tổ chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm; việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, nâng cấp bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ (nay là bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai) theo phương thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Trung Bá;
- Các Sở: Y tế (03 bản); Xây dựng; KH&CN;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ;
- Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (độc Khanh);
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (*để công khai*);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trung Bá**

**PHỤ LỤC 1:**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khối nhà làm việc chung 6 tầng xây mới.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khối nhà khám bệnh.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa ngoại và phụ sản.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa nội - nhi - tim mạch - lão khoa.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa chấn thương chỉnh hình.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa hồi sức tích cực - chống độc.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa xét nghiệm - CDHA.
- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa phẫu thuật - gây mê hồi sức.
- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa y học cổ truyền.
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ khối nhà khoa truyền nhiễm.
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ khối nhà thận nhân tạo.
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ khối nhà công vụ.
- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khối nhà dinh dưỡng và căng tin.
- Nguồn số 15: Nước thải máy giặt phát sinh từ khối nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 16: Nước thải phát sinh của Bệnh viện đa khoa Trường Đức.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải tương ứng từ nguồn số 01 đến nguồn số 16.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của khu dân cư phường Nghĩa Lộ trên đường Pú Lo.
- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45$  phút, múi chiếu 3 độ): X = 2390836; Y = 474454.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy
- Chế độ xả nước thải: Gián đoạn với chu kỳ xả 2 lần/ngày đêm.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

TT	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>I</b>	<b>Bảng 1</b>			3 tháng/lần
1	BOD <sub>5</sub>	mg/L	≤ 80	
2	COD	mg/L	≤ 130	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 120	
<b>II</b>	<b>Bảng 2</b>			
4	pH	-	6 - 9	
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40	
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 60	
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 5000	
8	Amoni (N-NH <sup>4+</sup> ), tính theo N	mg/L	≤ 12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30	
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

*1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:*

- Nguồn số 01 đến nguồn số 13: Nước thải được thu gom theo các đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt (*tắm giặt rửa, thoát sàn, vệ sinh*) được thu gom theo các đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ; nước thải bếp ăn được thu gom theo đường ống về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ. Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 15: Nước thải theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải giặt để xử lý sơ bộ, nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 16: Nước thải theo các đường ống đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

a) *Bể tự hoại*: 17 bể tự hoại 03 ngăn, trong đó:

- Tại khối nhà khám bệnh; khối nhà khoa ngoại và phụ sản; khối nhà khoa chấn thương chỉnh hình; khối nhà khoa hồi sức tích cực - chống độc; khối nhà khoa xét nghiệm - CDHA; khối nhà khoa phẫu thuật - gây mê hồi sức; khối nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn; khối nhà khoa truyền nhiễm; khối nhà chạy thận nhân tạo; khối nhà công vụ; khối nhà dinh dưỡng và căng tin: mỗi khối nhà 01 bể, dung tích 6m<sup>3</sup>/bể.

- Tại khối nhà khoa y học cổ truyền; khối nhà khoa nội - nhi - tim mạch - lão khoa: mỗi khối nhà 02 bể, dung tích 6m<sup>3</sup>/bể.

- Tại khối nhà làm việc chung 6 tầng xây mới: 02 bể dung tích 50m<sup>3</sup>/bể.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn chứa 1 (*điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 3 (*lắng, chảy tràn*) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất: Chế phẩm sinh học; Vật liệu sử dụng: Không.

b) *Bể tách dầu mỡ*: 01 bể tách dầu mỡ loại inox 304 dung tích khoảng 2m<sup>3</sup> đặt tại khối dinh dưỡng và căng tin.

Quy trình xử lý: Nước thải bếp → Ngăn 1 (*chứa*) → Ngăn 2 (*lắng*) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

c) *Hệ thống xử lý nước thải giặt*: 01 bể hợp khối, sử dụng công nghệ ion.

- *Quy trình công nghệ xử lý*: Nước thải → Hồ thu → Bể keo tụ điện hóa → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế: 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng, vật liệu sử dụng: Không.

d) *Trạm xử lý nước thải tập trung*:

Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sử dụng công nghệ SBR.

- *Quy trình công nghệ xử lý*: Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể điều hoà → Cụm bể SBRV → Bồn lọc áp lực → Hồ ga đầu ra → Hệ thống thoát nước của khu dân cư phường Nghĩa Lộ trên đường Pú Lo.

- Công suất thiết kế: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen hoặc Clo; Vật liệu sử dụng: Cát, sỏi.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Vận hành đúng quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bố trí nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải; kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời các sự cố của hệ thống. Lập sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra các bể xử lý, trang thiết bị, đường ống dẫn nhằm phát hiện kịp thời các hiện tượng nứt, thủng, rò rỉ. Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh dẫn nước thải, bể chứa, hố ga định kỳ...

- Bố trí nhân viên trực, thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện các dấu hiệu bất thường và có phương án xử lý kịp thời.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

3.3. Việc tiếp nhận nước thải để xử lý phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.4. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3.5. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, có sổ nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung với đầy đủ các thông tin cần theo dõi, giám sát như: người vận hành, thời gian, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc, hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (*thời gian bắt đầu, kết thúc*),...

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Chủ dự án và đơn vị quản lý vận hành chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

**PHỤ LỤC 2:**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Khu vực bố trí máy phát điện dự phòng của bệnh viện.
- Nguồn số 2: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

Cả 02 nguồn phát sinh tiếng ồn đều là nguồn không liên tục, chỉ phát sinh tiếng ồn khi sử dụng.

**2.** Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1 Tiếng ồn**

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (Từ 6h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (Từ 18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (Từ 22h00 đến trước 6h00) (dBA)
Khu vực A	50	45	40

**2.2 Độ rung:**

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (Từ 6h00 đến trước 22h00) (dB)	Đêm (Từ 22h00 đến trước 06h00) (dB)
Khu vực A	60	55

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ của máy phát điện dự phòng hoạt động ổn định và lắp giảm thanh cho máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Lắp đặt chân đế, bộ phận chống rung động cho máy phát điện dự phòng đảm bảo theo quy định.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên bệnh viện, các tuyến đường nội bộ để tạo cảnh quan và giảm tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. .
- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

## **2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án.
- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực.
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của dự án gây ra.

**PHỤ LỤC 3:**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

*1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
<b>I</b>	<b>Chất thải y tế lây nhiễm</b>			
1	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn	18 01 03	Rắn	15.000
2	Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn	18 01 03	Rắn	12.000
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	Rắn	1.000
4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	Rắn	3.000
<b>II</b>	<b>Chất thải nguy hại không lây nhiễm</b>			
1	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	16 01 06	Rắn	1.000
2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	13 03 02	Rắn	120
<b>III</b>	<b>Chất thải nguy hại khác</b>			
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	15
2	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	Rắn/Lỏng	100
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	01
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	8.000
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	Rắn	8.000
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>48.236</b>

*1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Chai lọ, thủy tinh	kg/năm	7.000
2	Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, váng dầu mỡ	kg/năm	3.000
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>kg/năm</b>	<b>10.000</b>

*1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt*

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.900 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ chai lọ, túi, giấy vụn,...

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy và lót túi nilong
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: 01 kho lưu chứa trong nhà.
- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại khoảng 80m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

**2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy
- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho lưu chứa trong nhà.
- Diện tích khoảng 80 m<sup>2</sup>.
- Kho có tường bao, nền lát xi măng, chống thấm, mái xây và có biển kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

**2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, lót túi nilong và các xe đẩy rác.

- Diện tích khoảng 54 m<sup>2</sup>.
- Khu vực có lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thực hiện thu gom, xử lý bùn thải từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại rác thải tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ đầu tư dự án và đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**PHỤ LỤC 4:****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:**

- Các hạng mục, công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường: Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình, công trình bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường số 344/GPMT-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ (*trước sáp nhập*) không còn hạng mục còn tiếp tục thực hiện.

- Các hạng mục, công trình xây mới và nâng cấp (*01 khối nhà làm việc 06 tầng+ 01 tầng kỹ thuật và các hạng mục, công trình phụ trợ khác*) thực hiện các công trình, biện pháp đảm bảo theo quy định pháp luật về môi trường.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

2. Việc triển khai xây dựng các hạng mục, công trình của dự án phải bảo đảm phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tuân thủ các quy hoạch, phương án thiết kế đã được phê duyệt.

3. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu tác động từ nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công và vận hành dự án. Thực hiện thu gom, quản lý nước thải, bụi, khí thải và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực triển khai dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa

đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh dự án.

7. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.